TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2024
V*/v Ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng; Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 431/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 284/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Thế C, sinh năm 1983; ĐKHKTT: Khu K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: 148-6 S-dong, S-gu, I, S (Hàn Quốc).

- *Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1984; ĐKHKTT và chỗ ở: Khu K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1948; ĐKHKTT và chỗ ở: Khu K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn anh Vũ Thế C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 30/01/2013 tại UBND xã K (nay là UBND thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng với gia đình anh một thời gian đến cuối năm anh sang Hàn Quốc lao động. Thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng khoảng vài năm trở về đây vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau quá lâu, anh và chị H1 không còn tình cảm với nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị H1 đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh và chị H1 có 01 con chung là Vũ Bảo M, sinh ngày 21/5/2013, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật. Nếu chị H1 không đảm bảo việc nuôi con thì anh xin nuôi con và ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Trần Thị T chăm sóc con trong thời gian anh ở nước ngoài.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang lao động tại Hàn Quốc nên ủy quyền cho anh Trần Văn H thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn chị Vũ Thị H1 trình bày: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/01/2013 tại UBND xã K (nay là UBND thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương. Chị và anh C quen biết nhau từ khi ở Việt Nam sau đó cùng sang Hàn Quốc làm việc và sống cùng nhau được 2 năm thì anh chị về Việt Nam tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn. Sau khi chị mang thai thì anh C tiếp tục sang Hàn Quốc còn chị ở lại Việt Nam, anh chị vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Từ năm 2021 chị nghe được thông tin ở Hàn Quốc anh C có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con với nhau. Chị hỏi anh C về tin đồn đó thì từ đó anh C thay đổi không còn quan tâm, không có trách nhiệm với chị và con. Đến năm 2022 anh C cắt đứt hoàn toàn mọi liên lạc với chị. Chị nhắn tin thì anh C trả lời cuộc sống của ai người đó lo, anh C làm gì là quyền của anh C. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đã có lần đề nghị anh C làm thủ tục ly hôn nhưng anh C không làm. Đến nay anh C nộp đơn ly hôn chị không đồng ý, chị yêu cầu anh C phải về Việt Nam hoặc gọi điện cho chị để thỏa thuận về nghĩa vụ nuôi con, bù đắp những hy sinh của chị thì chị mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C có 1 con chung là Vũ Bảo M, sinh ngày 21/5/2013, do sức khỏe của chị không được tốt, chỗ ở, điều kiện kinh tế của chị không đảm bảo nên chị đề nghị giao con cho anh C nuôi dưỡng. Anh C đang ở nước ngoài thì bà Trần Thị T sẽ thay anh C chăm sóc cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày: Anh C, chị H1 quen nhau khi cùng làm việc ở Hàn Quốc, sau đó về Việt Nam đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị H1 ở lại Việt Nam còn anh C sang Hàn Quốc lao động đến nay chưa về. Vợ chồng anh C mâu thuẫn là do sống xa nhau lâu, thiếu sự tin tưởng, mỗi khi gọi điện cho nhau lại xẩy ra cãi vã, dần dần vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Anh C làm đơn xin ly hôn bà đề nghị giải quyết theo quy định. Về con chung: Anh C, chị H1 có một con chung là Vũ Bảo M, sinh ngày 21/5/2013. Anh C nhờ bà chăm sóc cháu trong trường hợp anh C được Tòa án giao nuôi con, bà nhất trí nhận sự ủy quyền của anh C. Do công việc bận, đường xá đi lại xa nên bà đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Cháu Vũ Bảo M trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố và bà nội.

Anh Trần Văn H người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng trình bày: Sau khi anh được Tòa án giao nhận các văn bản tố tụng, anh đã thông báo cho anh C biết, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản

2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho anh Vũ Thế C ly hôn chị Vũ Thị H1; Về con chung: Giao con chung là Vũ Bảo M cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm giao cho bà Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về Việt Nam; Về án phí: Anh C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Thế C hiện đang làm việc, sinh sống tại Hàn Quốc, bị đơn chị Vũ Thị H1 đang cư trú tại: Khu K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh C không có mặt ở Việt Nam nhưng anh đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho anh Trần Văn H nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của anh đã được Đ tại Hàn Quốc chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của anh C là hoàn toàn tự nguyện. Nguyên đơn anh C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn chị Vũ Thị H1 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Thế C, chị Vũ Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/01/2013 tại UBND xã K (nay là UBND thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Anh C xác định mâu thuẫn của anh và chị H1 đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ lâu và không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H1. Chị H1 không đồng ý ly hôn tuy nhiên vẫn thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021, anh C không quan tâm đến chị và con, sau đó cắt đứt hoàn toàn liên lạc với chị. Bà Trần Thị Thuấn M1 đẻ của anh C xác định vợ chồng anh C mâu thuẫn là do sống xa nhau, thiếu sự quan tâm, tin tưởng, tình cảm không còn. Như vậy có đủ cơ sở xác định quá trình anh C, chị H1 chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C, chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, xử cho anh C được ly hôn với chị H1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh C, chị H1 có 1 con chung là Vũ Bảo M, sinh ngày 21/05/2013. Chị H1 đề nghị giao con cho anh C nuôi dưỡng vì điều kiện về chỗ ở, kinh tế của chị không đảm bảo, anh C xin được nuôi con và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Bảo M đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng xin được ở với bố. Anh C đang ở nước ngoài tuy nhiên bà Trần Thị T nhất trí nhận sự ủy quyền của anh C chăm sóc cháu Bảo M cho đến khi anh C về nước. Do đó HĐXX, giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm giao cháu Vũ Bảo M cho bà Trần Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Vũ Thế C về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: anh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Thế C, xử cho anh Vũ Thế C ly hôn chị Vũ Thị H1.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Bảo M, sinh ngày 21/05/2013 cho anh Vũ Thế C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh C không yêu cầu và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được

ngăn cản.

Tạm giao con chung Vũ Bảo M cho bà Trần Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Vũ Thế C về Việt Nam.

3. Án phí: Anh Vũ Thế C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000766 ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Trần Văn H nộp thay).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn G, huyện C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy